

Luật số: /2026/QH16

DỰ THẢO THẨM ĐỊNH**LUẬT
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA
BỘ LUẬT LAO ĐỘNG, LUẬT LƯU TRỮ,
LUẬT BÌNH ĐẲNG GIỚI VÀ LUẬT HOẠT ĐỘNG CHỮ THẬP ĐỎ**

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;

Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 71/2025/QH15, Luật số 113/2025/QH1 và Luật số 124/2025/QH15, Luật Lưu trữ số 33/2024/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 116/2025/QH15, Luật Bình đẳng giới số 73/2006/QH11 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 113/2025/QH15, Luật Hoạt động chữ thập đỏ số 11/2008/QH12, Luật Việc làm số 74/2025/QH15.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Lao động

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 52 như sau:

“2. Hoạt động cho thuê lại lao động là ngành, nghề kinh doanh có điều kiện, chỉ được thực hiện bởi các doanh nghiệp có Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động và áp dụng đối với một số công việc nhất định, không áp dụng với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 53 như sau:

“4. Bên thuê lại lao động không được chuyển người lao động thuê lại cho người sử dụng lao động khác; không được sử dụng người lao động thuê lại được cung cấp bởi doanh nghiệp không có Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động không phải là doanh nghiệp cho thuê lại lao động.”.

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 54 như sau:

“Điều 54. Doanh nghiệp cho thuê lại lao động

1. Doanh nghiệp cho thuê lại lao động phải ký quỹ và được cấp Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động và thực hiện thông báo hoạt động, chấm dứt hoạt động cho thuê lại lao động với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Chính phủ quy định việc ký quỹ, điều kiện, trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động thông báo hoạt động, chấm dứt hoạt động cho thuê lại lao động và danh mục công việc được thực hiện cho thuê lại lao động.”.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 73 như sau:

“4. Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định *trình tự, thủ tục thành lập*, chức năng, nhiệm vụ, hoạt động của Hội đồng thương lượng tập thể.”.

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 92 như sau:

“3. *Thủ tướng Chính phủ* quy định chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và hoạt động của Hội đồng tiền lương quốc gia.”.

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, 3 Điều 112 như sau:

a) Bổ sung điểm g vào sau điểm e khoản 1 như sau:

“g) Ngày Văn hóa Việt Nam: 01 ngày (ngày 24 tháng 11 dương lịch).”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Hằng năm, căn cứ vào điều kiện thực tế, Thủ tướng Chính phủ quyết định cụ thể ngày nghỉ quy định tại điểm b và điểm đ khoản 1 Điều này. *Bộ trưởng Bộ Nội vụ thông báo việc thực hiện lịch nghỉ lễ, tết hằng năm theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ trước ngày 30 tháng 9 năm trước liền kề. ~~(để áp dụng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động làm việc trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội).~~*”.

7. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 119 như sau:

“5. Căn cứ điều kiện cụ thể, *người đứng đầu* cơ quan chuyên môn thực hiện nhiệm vụ về lĩnh vực lao động thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thể ủy quyền cho *Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã* thực hiện việc đăng ký nội quy lao động theo quy định tại Điều này.”.

8. Sửa đổi, bổ sung Điều 133 như sau:

“Điều 133. Chương trình an toàn, vệ sinh lao động

1. ~~Chính phủ quyết định Chương trình quốc gia về an toàn, vệ sinh lao động~~
Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia về an toàn, vệ sinh lao động.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định Chương trình an toàn, vệ sinh lao động của địa phương và đưa vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.”.

9. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 151 như sau:

“1. Người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam là người có quốc tịch nước ngoài và phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Đủ 18 tuổi trở lên và có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

b) Có trình độ chuyên môn, kỹ thuật, kinh nghiệm làm việc; ~~có đủ sức khỏe theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế bảo đảm sức khỏe theo quy định;~~

c) Không phải là người đang trong thời gian chấp hành hình phạt hoặc chưa được xóa án tích hoặc đang trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật ~~nước ngoài hoặc pháp luật Việt Nam~~;

d) ~~Có giấy phép lao động do cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam cấp, trừ trường hợp quy định tại Điều 154 của Bộ luật này~~ *Có giấy phép lao động hoặc giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động hoặc các trường hợp khác theo quy định của Chính phủ.*”.

10. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 202 như sau:

“3. Ít nhất là 05 ngày làm việc trước ngày bắt đầu đình công, tổ chức đại diện người lao động tổ chức và lãnh đạo đình công phải gửi văn bản về việc quyết định đình công cho người sử dụng lao động, Ủy ban nhân dân *cấp xã* và cơ quan chuyên môn *thực hiện nhiệm vụ về lĩnh vực lao động* thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.”.

11. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 205 như sau:

“3. Ủy ban nhân dân *cấp xã* có nơi làm việc dự kiến đóng cửa.”.

12. Sửa đổi, bổ sung Điều 211 như sau:

“Điều 211. Xử lý cuộc đình công không đúng trình tự, thủ tục

Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi nhận được thông báo về cuộc đình công không tuân theo quy định tại các Điều 200, 201 và 202 của Bộ luật này, *Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã cấp huyện nơi đặt trụ sở chính của doanh nghiệp chủ trì, phối hợp* với công đoàn cùng cấp *hoạt động trên địa bàn*, cơ quan, tổ chức có liên quan trực tiếp gặp gỡ người sử dụng lao động và đại diện ban lãnh đạo tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở để nghe ý kiến, hỗ trợ các bên tìm biện pháp giải quyết, đưa hoạt động sản xuất, kinh doanh trở lại bình thường.

Trường hợp phát hiện có hành vi vi phạm pháp luật thì lập biên bản, tiến hành xử lý hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý cá nhân, tổ chức đã thực hiện hành vi vi phạm pháp luật theo quy định của pháp luật.

Đối với các nội dung tranh chấp lao động thì tùy từng loại tranh chấp, hướng dẫn, hỗ trợ các bên tiến hành các thủ tục giải quyết tranh chấp lao động theo quy định của Bộ luật này.”.

13. Thay thế, bãi bỏ một số cụm từ, điều, khoản, điểm như sau:

a) Thay thế cụm từ “*Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội*” bằng cụm từ “*Bộ Nội vụ*” tại khoản 5 Điều 21, khoản 4 Điều 61, khoản 2 Điều 92, Điều 116, khoản 1 Điều 142, khoản 3 Điều 143, khoản 4 Điều 145, khoản 2 Điều 146, khoản 3 Điều 147, khoản 2 Điều 160, khoản 2 Điều 181, khoản 2, 3 Điều 213;

b) Thay thế cụm từ “*đường thủy, đường hàng không*” bằng cụm từ “*đường thủy nội địa, hàng hải, hàng không*” tại Điều 116;

c) Bãi bỏ khoản 2 Điều 214;

d) Bãi bỏ cụm từ “chuyên ngành” tại Điều 215.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Lưu trữ

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 18 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 1 như sau:

“d) Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước; bộ, cơ quan ngang bộ, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 10 của Luật này; cơ quan thuộc và trực thuộc bộ, cơ quan ngang bộ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực chuyên môn; *cơ quan, tổ chức chuyên môn của trung ương hoạt động theo khu vực liên tỉnh; tổ chức trực thuộc cục tại Trung ương thực hiện chức năng quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực chuyên môn;*”.

b) Sửa đổi, bổ sung điểm d, đ khoản 2 như sau:

“d) Cơ quan chuyên môn khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, ~~cấp huyện~~; Tòa án nhân dân cấp tỉnh, ~~cấp huyện~~ *Tòa án nhân dân khu vực*; Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, ~~cấp huyện~~ *Viện kiểm sát nhân dân khu vực*; tổ chức trực thuộc cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước; đơn vị sự nghiệp công lập ~~trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập~~; doanh nghiệp nhà nước do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp theo ngành dọc *tại một đơn vị hành chính cấp tỉnh*;

đ) Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã, *cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã*.

~~Ủy ban nhân dân cấp xã làm đầu mối nộp hồ sơ, tài liệu lưu trữ của các cơ quan quy định tại điểm này.”.~~

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Trường hợp cần thiết, Bộ trưởng Bộ Nội vụ quyết định cơ quan, tổ chức khác không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này nộp hồ sơ, tài liệu vào lưu trữ lịch sử của Nhà nước ở trung ương.

Trường hợp cần thiết, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cơ quan, tổ chức khác không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này nộp hồ sơ, tài liệu vào lưu trữ lịch sử của Nhà nước ở địa phương.”.

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 53 như sau:

“Điều 53. Các hoạt động dịch vụ lưu trữ

1. Các hoạt động dịch vụ lưu trữ bao gồm:

a) Kinh doanh hạ tầng kỹ thuật để bảo quản hồ sơ, tài liệu lưu trữ giấy, tài liệu lưu trữ trên vật mang tin khác;

b) Kinh doanh hạ tầng kỹ thuật để lưu trữ hồ sơ, tài liệu lưu trữ số và cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ;

- c) Số hóa, tạo lập, chuẩn hóa cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ;
- d) Tu bổ, khử trùng, khử axit, vệ sinh tài liệu, kho lưu trữ tài liệu;
- đ) Tư vấn nghiệp vụ lưu trữ.

~~2. Hoạt động kinh doanh dịch vụ lưu trữ quy định tại khoản 1 Điều này thuộc ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện.~~

~~3. Tổ chức đầu tư kinh doanh dịch vụ lưu trữ quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này phải đáp ứng các điều kiện sau đây:~~

- ~~a) Là doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp;~~
- ~~b) Có cơ sở vật chất, nhân lực phù hợp để thực hiện hoạt động dịch vụ lưu trữ; cá nhân phụ trách kỹ thuật, nghiệp vụ lưu trữ phải có Chứng chỉ hành nghề lưu trữ.~~

~~4. Tổ chức đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 3 Điều này được cơ quan tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về lưu trữ nơi đặt trụ sở cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ lưu trữ.~~

~~5. Cá nhân phụ trách kỹ thuật, nghiệp vụ lưu trữ tại tổ chức kinh doanh dịch vụ lưu trữ quy định tại các điểm c, d và đ khoản 1 Điều này, cá nhân độc lập kinh doanh dịch vụ lưu trữ phải có Chứng chỉ hành nghề lưu trữ.~~

~~6. Chính phủ quy định chi tiết khoản 3 Điều này và quy định trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ lưu trữ.~~

2. Tổ chức kinh doanh dịch vụ lưu trữ quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều này phải đáp ứng quy định của pháp luật về lưu trữ và pháp luật khác có liên quan.

3. Cá nhân phụ trách kỹ thuật, nghiệp vụ lưu trữ tại tổ chức kinh doanh dịch vụ lưu trữ và cá nhân độc lập kinh doanh dịch vụ lưu trữ quy định tại điểm c khoản 1 Điều này phải có trình độ đào tạo đại học trở lên một trong những ngành sau: văn thư - lưu trữ, lưu trữ, lưu trữ học, quản trị văn phòng, khoa học dữ liệu, quản trị cơ sở dữ liệu, mạng máy tính và truyền thông dữ liệu, kỹ thuật phần mềm, hệ thống thông tin, trí tuệ nhân tạo, công nghệ thông tin, an toàn thông tin, quản lý công nghệ thông tin, quản lý hệ thống thông tin.

4. Cá nhân phụ trách kỹ thuật, nghiệp vụ lưu trữ tại tổ chức kinh doanh dịch vụ lưu trữ và cá nhân độc lập kinh doanh dịch vụ lưu trữ quy định tại điểm d khoản 1 Điều này phải có trình độ đào tạo cao đẳng trở lên một trong những ngành sau: văn thư - lưu trữ, lưu trữ, lưu trữ học, sinh học, hóa học.

5. Cá nhân phụ trách kỹ thuật, nghiệp vụ lưu trữ tại tổ chức kinh doanh dịch vụ lưu trữ và cá nhân độc lập kinh doanh dịch vụ lưu trữ quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này phải có trình độ đào tạo cao đẳng trở lên một trong những ngành phù hợp với lĩnh vực nghiệp vụ tư vấn: văn thư - lưu trữ, lưu trữ, lưu trữ học, quản trị văn phòng, khoa học dữ liệu, quản trị cơ sở dữ liệu, mạng máy tính và truyền thông dữ liệu, kỹ thuật phần mềm, hệ thống thông tin, trí tuệ nhân tạo,

công nghệ thông tin, an toàn thông tin, quản lý công nghệ thông tin, quản lý hệ thống thông tin, sinh học, hóa học.”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 55 như sau:

“1. Trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước về lưu trữ đối với hoạt động dịch vụ lưu trữ được quy định như sau:

a) Bộ Nội vụ hướng dẫn, ~~thanh tra, kiểm tra~~ về hoạt động dịch vụ lưu trữ trong phạm vi cả nước; ~~cấp, cấp lại, thu hồi Chứng chỉ hành nghề lưu trữ~~; giải quyết khiếu nại, tố cáo về hoạt động dịch vụ lưu trữ theo quy định của pháp luật;

b) *Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, ~~cấp huyện~~ chỉ đạo việc* hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra về hoạt động dịch vụ lưu trữ theo thẩm quyền quản lý; giải quyết khiếu nại, tố cáo về hoạt động dịch vụ lưu trữ theo quy định của pháp luật.”.

4. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 65 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 1 như sau:

~~“d) Tổ chức, cá nhân đủ điều kiện thực hiện dịch vụ chỉnh lý tài liệu theo quy định của Luật Lưu trữ số 01/2011/QH13 và Tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ tư vấn nghiệp vụ lưu trữ theo quy định tại Luật này được thực hiện việc chỉnh lý, xác định giá trị tài liệu quy định tại các điểm a, b và c khoản này;”.~~

b) Bổ sung khoản 7 vào sau khoản 6 như sau:

“7. Việc hủy tài liệu lưu trữ của các cơ quan, tổ chức thuộc trường hợp nộp hồ sơ, tài liệu vào lưu trữ lịch sử của nhà nước nhưng đã kết thúc hoạt động do người đứng đầu cơ quan, tổ chức trực tiếp quản lý tài liệu quyết định sau khi có ý kiến thẩm định của cơ quan có thẩm quyền:

a) Cơ quan có thẩm quyền của Đảng thẩm định tài liệu lưu trữ hết giá trị của cơ quan, tổ chức thuộc trường hợp nộp hồ sơ, tài liệu vào lưu trữ lịch sử của Đảng;

b) Cơ quan tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ Nội vụ thực hiện quản lý nhà nước về lưu trữ thẩm định tài liệu lưu trữ hết giá trị của cơ quan, tổ chức thuộc trường hợp nộp hồ sơ, tài liệu vào lưu trữ lịch sử của nhà nước ở trung ương;

c) Cơ quan tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về lưu trữ thẩm định tài liệu lưu trữ hết giá trị của cơ quan, tổ chức thuộc trường hợp nộp hồ sơ, tài liệu vào lưu trữ lịch sử của nhà nước ở cấp tỉnh.”.

5. Thay thế, bãi bỏ một số cụm từ tại một số điểm, khoản, điều như sau:

a) Bãi bỏ cụm từ “hội quần chúng ở địa phương do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ” tại khoản 4 Điều 10; bãi bỏ cụm từ “hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ” tại khoản 5 Điều 10;

b) Bãi bỏ cụm từ “cơ quan thuộc Chính phủ” tại khoản 2 Điều 11, điểm d khoản 1 Điều 18;

c) Bãi bỏ cụm từ “trừ đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh” tại điểm d khoản 1 Điều 18;

d) Bãi bỏ điểm e khoản 1, điểm c, e khoản 2 Điều 18, Điều 56, Điều 63, khoản 5 Điều 65.

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bình đẳng giới

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 9 như sau:

“2. *Bộ Nội vụ* chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về bình đẳng giới; là cơ quan thường trực công tác phối hợp liên ngành về bình đẳng giới.”.

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 25 như sau:

“Điều 25. Trách nhiệm của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ

~~1. Ban hành chiến lược, chính sách, mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới; hàng năm báo cáo Quốc hội về việc thực hiện mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới.~~

1. Trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền văn bản quy phạm pháp luật về bình đẳng giới.

2. Chỉ đạo, tổ chức thực hiện việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền.

3. Tổ chức thực hiện pháp luật về bình đẳng giới; chỉ đạo, tổ chức công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về bình đẳng giới.

4. Phối hợp với Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam và chỉ đạo các cơ quan hữu quan trong việc tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức của nhân dân về bình đẳng giới.

~~5. Công bố chính thức các thông tin quốc gia về bình đẳng giới; quy định và chỉ đạo thực hiện tiêu chí phân loại giới tính trong số liệu thông tin thống kê nhà nước.~~

~~5. Thủ tướng Chính phủ ban hành chiến lược, chương trình, kế hoạch, đề án về bình đẳng giới; định kỳ 02 năm một lần hoặc đột xuất báo cáo Quốc hội về việc thực hiện mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới về việc thực hiện pháp luật, chính sách về bình đẳng giới.”.~~

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 26 như sau:

“Điều 26. Trách nhiệm của Bộ Nội vụ trong quản lý nhà nước về bình đẳng giới

1. Xây dựng và trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành chiến lược, chương trình, kế hoạch, đề án về bình đẳng giới.

2. Xây dựng và trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành hoặc ban hành, hướng dẫn theo thẩm quyền văn bản quy phạm pháp luật về bình đẳng giới.

3. Tham gia đánh giá việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

4. Tổng kết, báo cáo ~~Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ~~ việc thực hiện mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới việc thực hiện các chiến lược, chương trình, kế hoạch, đề án về bình đẳng giới.

5. Chủ trì phối hợp với bộ, cơ quan ngang bộ trong quản lý nhà nước về bình đẳng giới.

6. Kiểm tra, ~~thanh tra~~, xử lý vi phạm pháp luật và giải quyết khiếu nại, tố cáo về bình đẳng giới.

7. Công bố chính thức các thông tin quốc gia về bình đẳng giới; quy định và chỉ đạo thực hiện tiêu chí phân loại giới tính trong số liệu thông tin thống kê nhà nước.”.

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 29 như sau:

“Điều 29. Trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên

1. Tham gia xây dựng ~~chính sách, pháp luật và tham gia quản lý nhà nước về bình đẳng giới theo quy định của pháp luật, phản biện xã hội đối với chính sách, pháp luật về bình đẳng giới theo quy định của pháp luật.~~

2. Bảo đảm bình đẳng giới trong tổ chức.

3. Tham gia giám sát và ~~phản biện xã hội~~ việc thực hiện pháp luật bình đẳng giới.

4. Tuyên truyền, vận động nhân dân, hội viên, đoàn viên thực hiện bình đẳng giới.”.

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 35 như sau:

“Điều 35. Thanh tra việc thực hiện pháp luật về bình đẳng giới

1. ~~Cơ quan quản lý nhà nước về bình đẳng giới thực hiện chức năng thanh tra về bình đẳng giới.~~

2. ~~Nhiệm vụ, quyền hạn của thanh tra về bình đẳng giới bao gồm:~~

a) ~~Thanh tra việc thực hiện pháp luật về bình đẳng giới;~~

b) ~~Thanh tra việc thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới, các biện pháp bảo đảm bình đẳng giới;~~

c) ~~Thực hiện nhiệm vụ giải quyết khiếu nại, tố cáo về bình đẳng giới theo quy định của Luật này và pháp luật về khiếu nại, tố cáo;~~

d) ~~Xử lý vi phạm pháp luật về bình đẳng giới theo quy định của pháp luật xử lý vi phạm hành chính;~~

đ) ~~Kiến nghị các biện pháp bảo đảm thi hành pháp luật về bình đẳng giới; đề nghị sửa đổi, bổ sung chính sách, pháp luật về bình đẳng giới;~~

e) ~~Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.~~

1. *Cơ quan thanh tra theo quy định của Luật Thanh tra thực hiện chức năng thanh tra về bình đẳng giới.*

2. *Nhiệm vụ, quyền hạn của thanh tra về bình đẳng giới theo quy định của Luật Thanh tra và các quy định của pháp luật có liên quan.”.*

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hoạt động chữ thập đỏ

1. Thay thế cụm từ “thị trấn” bằng cụm từ “đặc khu” tại điểm b khoản 3 Điều 7.

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 30 như sau:

“Điều 30. Cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động chữ thập đỏ

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về hoạt động chữ thập đỏ.

2. *Bộ Y tế* chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động chữ thập đỏ.

3. Bộ, cơ quan ngang bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với *Bộ Y tế* thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động chữ thập đỏ.

4. Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình quản lý hoạt động chữ thập đỏ ở địa phương.”.

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 31 như sau:

“Điều 31. Trách nhiệm của Bộ Y tế

1. Xây dựng và trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động chữ thập đỏ.

2. Kiểm tra việc thực hiện pháp luật về hoạt động chữ thập đỏ; thực hiện công tác thống kê, báo cáo về hoạt động chữ thập đỏ.”.

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 32 như sau:

“Điều 32. Trách nhiệm của các bộ

1. *Bộ Y tế* hướng dẫn hoạt động chữ thập đỏ về cứu trợ khẩn cấp, trợ giúp nhân đạo, ~~tìm kiếm tin tức thân nhân thất lạc do chiến tranh, thiên tai, thảm họa~~; chăm sóc sức khỏe, sơ cấp cứu ban đầu, hiến máu nhân đạo, hiến mô, bộ phận cơ thể người và hiến xác.

2. Bộ Tài chính hướng dẫn việc tiếp nhận, quản lý, sử dụng nguồn lực, hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho hoạt động chữ thập đỏ.

3. *Bộ Nông nghiệp và Môi trường*, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng hướng dẫn hoạt động chữ thập đỏ về phòng ngừa, ứng phó thảm họa.

4. Bộ Ngoại giao hướng dẫn, hỗ trợ hợp tác quốc tế về hoạt động chữ thập đỏ.

5. Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn công tác phát triển tổ chức và hoạt động chữ thập đỏ của thanh niên, thiếu niên trong trường học.

6. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn công tác thông tin, tuyên truyền về hoạt động chữ thập đỏ.

7. Bộ Quốc phòng hướng dẫn công tác tìm kiếm tin tức thân nhân thất lạc do chiến tranh, thiên tai, thảm họa.”.

Điều 5. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Việc làm

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 27 như sau:

“4. Hoạt động kinh doanh dịch vụ việc làm theo phương thức thương mại điện tử chỉ được thực hiện bởi doanh nghiệp ~~có giấy phép~~ hoạt động dịch vụ việc làm khi bảo đảm các điều kiện theo quy định của pháp luật về thương mại điện tử.”.

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 28 như sau:

“Điều 28. Doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm

1. Doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm là doanh nghiệp được thành lập, hoạt động theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và ~~được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm thực hiện thông báo cho cơ quan chuyên môn về việc làm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đặt trụ sở chính trước khi thực hiện hoạt động dịch vụ việc làm.~~

~~2. Doanh nghiệp được cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm khi có cơ sở vật chất, nhân sự đáp ứng yêu cầu hoạt động dịch vụ việc làm, đã ký quỹ và phải duy trì các điều kiện này trong suốt quá trình hoạt động.~~

2. Doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm được thành lập chi nhánh khi ~~chi nhánh có cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu hoạt động dịch vụ việc làm~~ và phải thực hiện thông báo cho cơ quan chuyên môn về việc làm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đặt trụ sở chính trước khi thực hiện hoạt động dịch vụ việc làm.

3. Doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm tự định giá và thực hiện niêm yết giá dịch vụ việc làm theo quy định của pháp luật về giá.

4. Chính phủ quy định chi tiết ~~khoản 1 và khoản 2 Điều này; quy định mẫu giấy phép, hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm.~~

Điều 6. Điều khoản thi hành

Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 3 năm 2027 trừ nội dung quy định tại điểm a khoản 6 Điều 1 có hiệu lực thi hành từ ngày Quốc hội thông qua.

Điều 7. Quy định chuyển tiếp

1. Doanh nghiệp có Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động còn hiệu lực tiếp tục hoạt động cho thuê lại lao động sau ngày Luật này có hiệu lực thì không phải thực hiện thông báo hoạt động cho thuê lại lao động.

2. Doanh nghiệp có Giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm còn hiệu lực tiếp tục hoạt động dịch vụ việc làm sau ngày Luật này có hiệu lực thì không phải thực hiện thông báo hoạt động dịch vụ việc làm.

Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XVI, Kỳ họp thứ hai thông qua ngày tháng năm 2026.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI